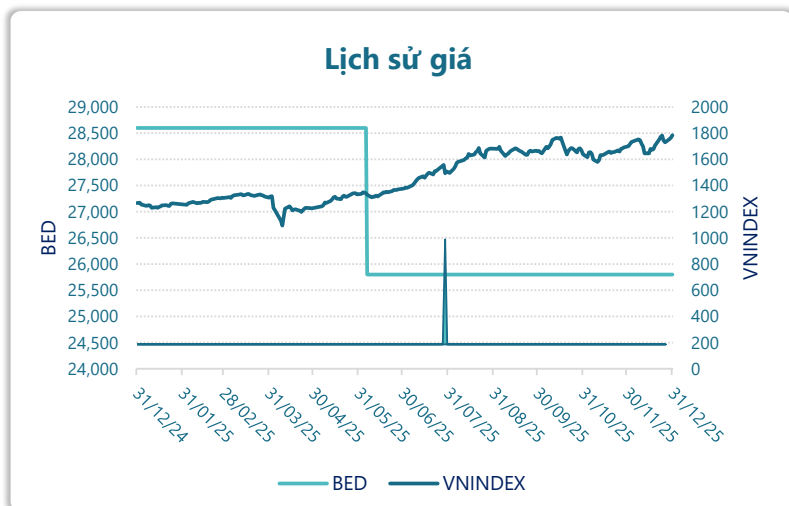


CTCP Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng (HNX: BED)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	25,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,800
SL cổ phiếu LH	3,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
P/E	
EPS	

DT thuần
Q4/25

9.50
tỷ VNĐ

LN sau thuế
Q4/25

1.07
tỷ VNĐ

YoY: ▼1.39 | -56.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần
2025

tỷ VNĐ

LN sau thuế
2025

tỷ VNĐ

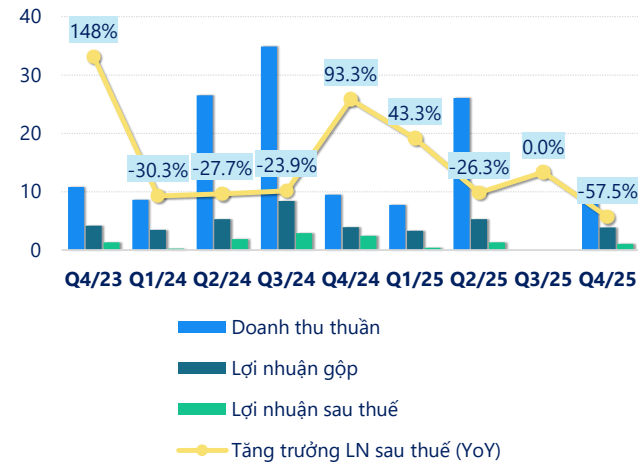
ROE
2025

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

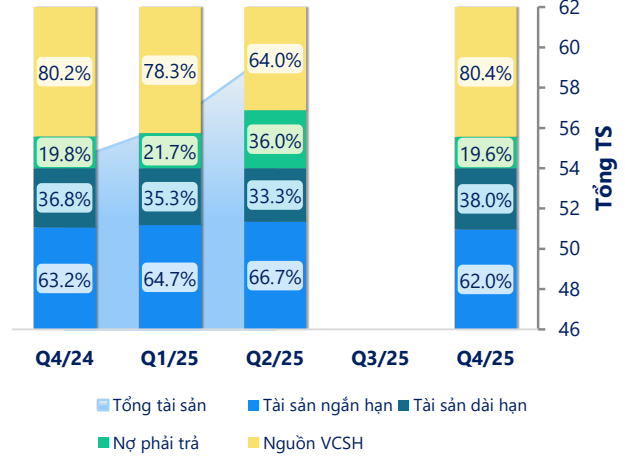
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

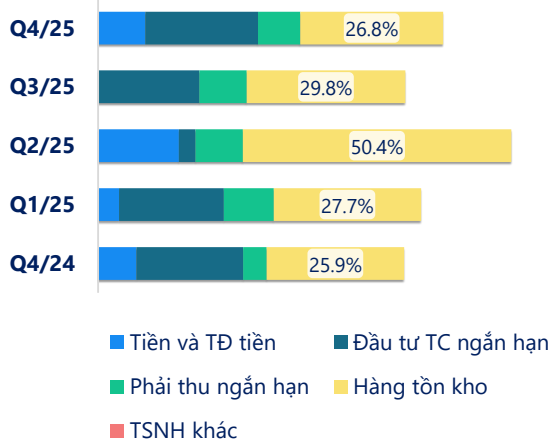
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



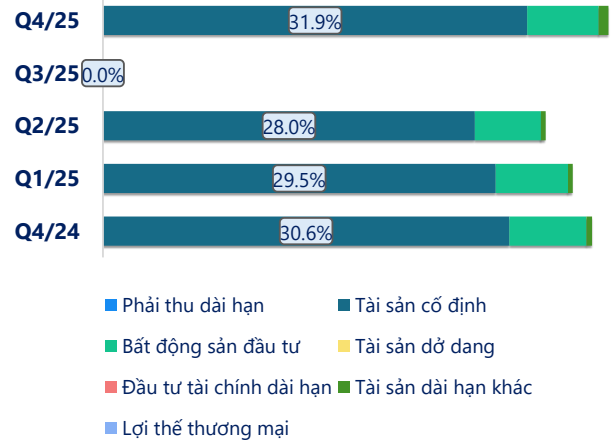
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

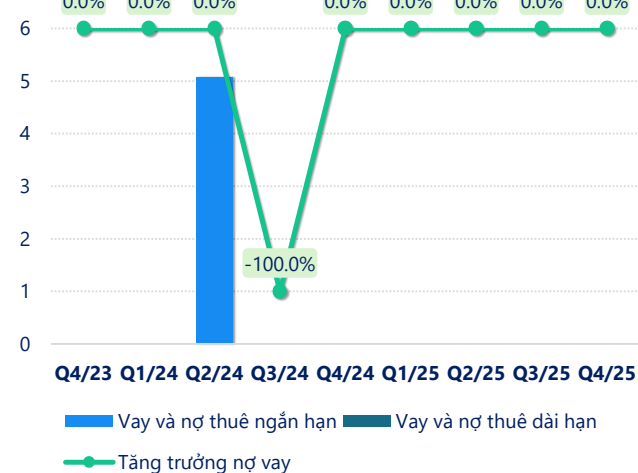
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

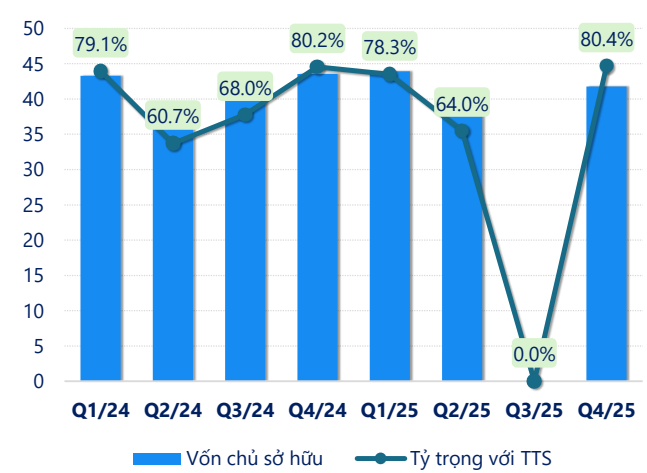
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

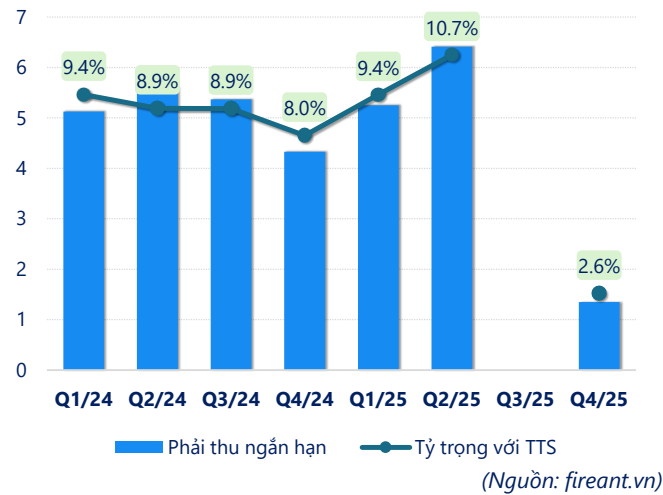
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

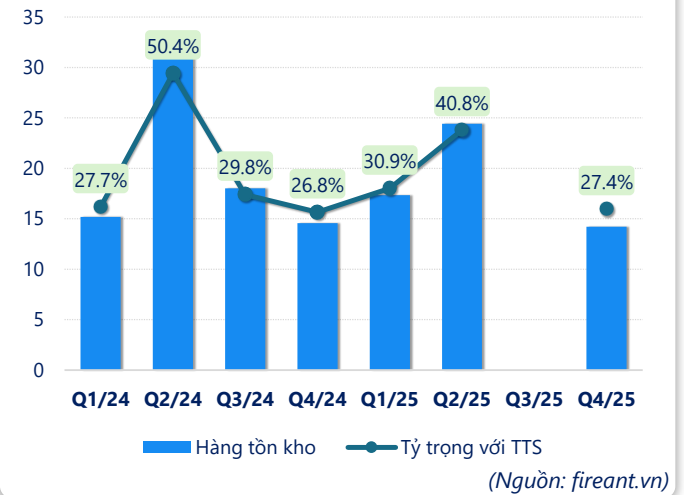


(Nguồn: fireant.vn)

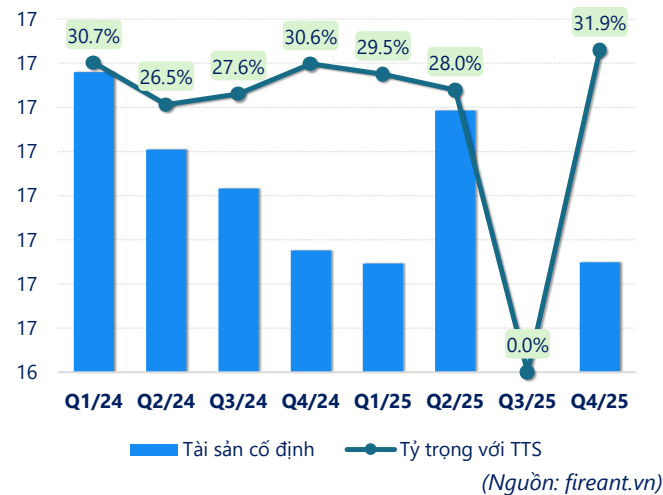
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


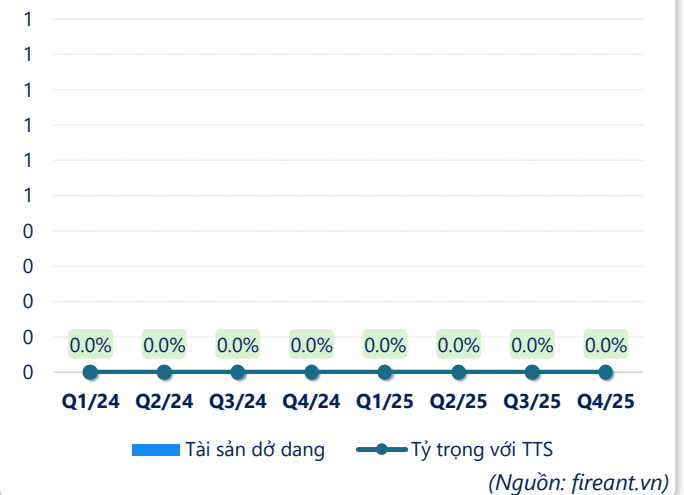
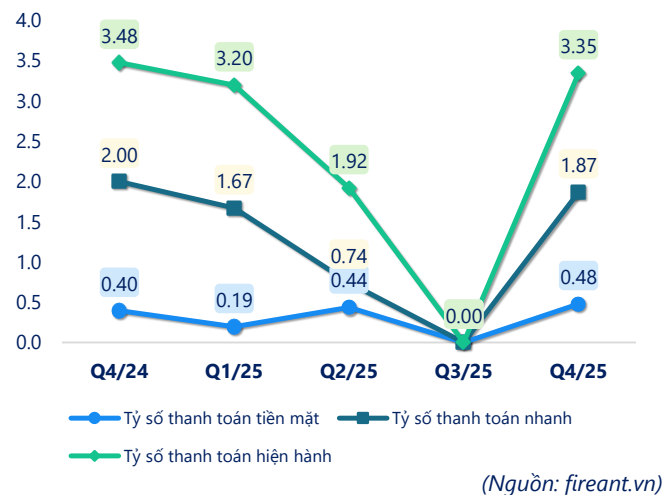
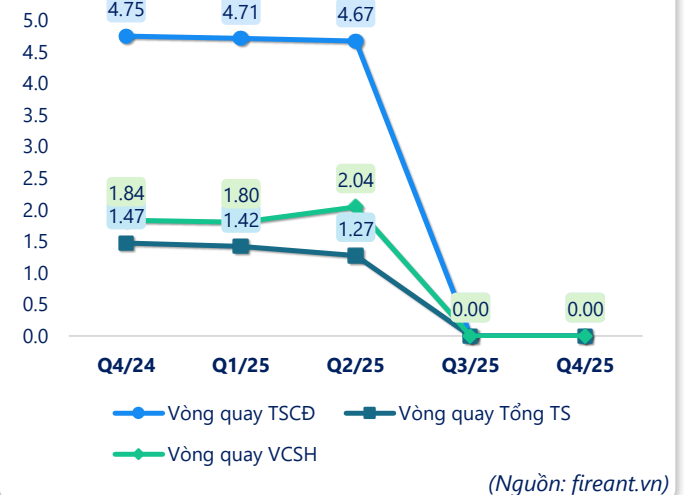
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	54.3	56.1	59.8		51.9
Tài sản ngắn hạn	34.3	36.3	39.9		32.2
Tiền và tương đương tiền	3.90	2.20	9.08		4.60
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	11.5	0		12.0
Phải thu ngắn hạn	4.33	5.25	6.41		1.35
Hàng tồn kho	14.6	17.3	24.4		14.2
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0		0
Tài sản dài hạn	20.0	19.8	19.9		19.7
Phải thu dài hạn	0	0	0		0
Tài sản cố định	16.6	16.6	16.7		16.6
Bất động sản đầu tư	3.15	3.06	2.97		2.78
Tài sản dở dang	0	0	0		0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0		0
Tài sản dài hạn khác	0.23	0.21	0.21		0.38
Lợi thế thương mại	0	0	0		0
Nợ phải trả	10.7	12.2	21.6		10.2
Nợ ngắn hạn	9.87	11.4	20.8		9.62
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0		0
Phải trả người bán ngắn hạn	6.57	9.42	18.0		7.33
Nợ dài hạn	0.86	0.83	0.76		0.54
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0		0
Nguồn vốn chủ sở hữu	43.5	43.9	38.3		41.8
Vốn chủ sở hữu	43.5	43.9	38.3		41.8
Vốn điều lệ	30.0	30.0	30.0		30.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0		0

(Nguồn: fireant.vn)